

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3700926112

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 09 tháng 04 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BÌNH DƯƠNG ACC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.3567200

Email: becamexacc@gmail.com

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 30.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN BẢO LONG

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 15/03/1996 Dân tộc: Kinh

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 132321709

Ngày cấp: 02/07/2019 Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: khu 3 (phi nông nghiệp), Xã Văn Lung, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: khu 3 (phi nông nghiệp), Xã Văn Lung, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN VPCC BÀU BÀNG



Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

CCV. Đoàn Cơ Thể:



BAO Y BẢN CHÍNH

3 h m 42 năm 2021

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG ACC**

Số: 01/2021/NQ-ĐHĐCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 28/03/2021



NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN BẢO LONG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/03/2021;

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2020.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

Điều 4: Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2018-2023).

4.1. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCB về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung TV HĐQT nhiệm kỳ III (2018-2023) và danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị là bà Nguyễn Thị Loan (CMND số: 281131728).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

4.2. Thông qua Tờ trình số 02/TTr-DHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung TV BKS nhiệm kỳ III (2018-2023) và danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát là bà Đào Huỳnh Kim (CMND số: 281126987).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 5: Thông qua Quy chế bầu bổ sung TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ III (2018-2023).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 6: Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 7: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020:

7.1. Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc với các chỉ tiêu chính như sau:

Các chỉ tiêu chính theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:

▪ Tổng doanh thu:	489.354.243.168 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	78.801.863.396 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	65.030.620.646 đồng
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ:	59.315.566.214 đồng
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát:	5.715.054.432 đồng

Các chỉ tiêu chính theo số liệu Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2020:

▪ Tổng doanh thu:	408.276.067.734 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	53.334.199.090 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	43.508.075.627 đồng

7.2. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020 (công ty mẹ):

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2020:	36.635.294.725 đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2020:	43.508.075.627 đồng
Phân phối lợi nhuận như sau:	
▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 5%/LNST):	2.175.403.781 đồng
▪ Chi trả cổ tức cho cổ đông (tỷ lệ 5%/Vốn điều lệ):	15.000.000.000 đồng
▪ Thu lao HĐQT, BKS, Tổ thư ký (tỷ lệ 2%/LNST):	870.161.513 đồng
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2021:	62.097.805.058 đồng

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 8: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

8.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

▪ Tổng doanh thu:	670.920.966.193 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	86.389.686.776 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	69.559.709.421 đồng

8.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi:	5%/LNST
▪ Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền:	≥15%/Vốn điều lệ

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 9: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bản niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bản niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 thuộc Danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 10: Thông qua Thay đổi ngành nghề kinh doanh theo nội dung Tờ trình số 07/TTr-DHDCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 11: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo nội dung Tờ trình số 08/TTr-DHDCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 12: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo nội dung Tờ trình số 09/TTr-DHDCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 13: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số 10/TTr-DHDCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 14: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo nội dung Tờ trình số 11/TTr-DHDCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 15: Thông qua Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.
- Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu chào bán : 75.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán : 10.000 đồng/01 cổ phiếu.

- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 750.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua : 1:2,5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền mua, và cứ 1 quyền mua sẽ được mua thêm 2,5 cổ phiếu chào bán thêm).
- Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng chào bán : Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- Thời gian dự kiến chào bán : Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tiến hành trong thời hạn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng tối thiểu 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.
- Chào mua công khai: Đồng ý cho các nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị) lựa chọn khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai, kể cả trong các trường hợp sau:
 - Khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (tổ chức, cá nhân và người có liên quan dự kiến mua cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng; hoặc tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng dự kiến mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng).
 - Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.
- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị vốn dự kiến sử dụng
1	Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	450.000.000.000 đồng
2	Hợp tác phát triển bất động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên phạm vi cả nước	150.000.000.000 đồng
3	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, hợp đồng ký mới cho các nhà thầu, nhà cung cấp, ngân hàng, đối tác khác,...)	150.000.000.000 đồng

Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, Hội đồng quản trị quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành: Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng tỷ lệ dự kiến, Công ty sẽ có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán là cam kết bảo lãnh phát hành của tổ chức bảo lãnh phát hành.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị lựa chọn phương thức bảo lãnh phát hành và đơn vị thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của Công ty và cổ đông. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức phát hành: Đợt phát hành sẽ được bảo lãnh bởi tổ chức bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của Công ty để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết.

- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính của Công ty và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa theo thông báo của Công ty.

- Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu ACC tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chi số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số

lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá chi tiết về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, công bố trong Bản cáo bạch chào bán chứng khoán.

2. Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành như sau:

- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán đúng quy định pháp luật.
- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết như nội dung nêu tại mục 1. Để đảm bảo cho việc chào bán đạt kết quả cao nhất, Hội đồng quản trị có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho gia hạn thời gian chào bán theo quy định pháp luật liên quan.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu, tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Quyết định và thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đã nêu tại mục 1.
- Sau khi kết thúc đợt chào bán, thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ theo nội dung trên.
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác trong suốt quá trình phát hành (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt chào bán thành công.

3. Thông qua việc lưu ký, niêm yết bổ sung:

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 88,7%.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 11,3%.

Điều 16: Thông qua Tờ trình số 13/TTr-DHDCD ngày 28/3/2021 về Đầu tư dự án bất động sản đô thị và bất động sản công nghiệp (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 17: Thông qua Tờ trình số 14/TTr-DHDCD ngày 28/3/2021 về Đầu tư hoặc bán tài sản, đầu tư dự án, các giao dịch khác.

Nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động Công ty và tính đến dự phòng các trường hợp phát sinh những vấn đề cần quyết định kịp thời thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được thực hiện các công việc sau:

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản, quyết định đầu tư dự án có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề: quyết định đầu tư và phát triển các dự án (nội dung dự án đầu tư như: tên dự án, mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện, tổng vốn đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động dự án...), triển khai các thủ tục pháp lý về dự án, lựa chọn đối tác, phương án kinh doanh, nguồn vốn thực hiện, các công việc khác theo yêu cầu dự án và quy định pháp luật.

- Thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 291, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Việc thông qua các nội dung và ủy quyền cho Hội đồng quản trị nêu trên có giá trị thực hiện từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến khi có quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông thay thế.

Các nội dung được nêu bên trên là những vấn đề cần được giải quyết kịp thời, nhằm bắt cơ hội để không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 18: Thông qua Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021.

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021 là 2%/Lợi nhuận sau thuế trên cơ sở Báo cáo tài chính đã kiểm toán và được chi trả 1 lần sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ vào số trích thực tế, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chi trả cho từng thành viên.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

❖ **Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023):**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Kết quả
1	NGUYỄN THỊ LOAN	26.516.755	Trùng cử

❖ **Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023):**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Kết quả
1	ĐÀO HUỶNH KIM	26.506.225	Trùng cử

❖ Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023) ra mắt trước Đại hội. Hội đồng quản trị đã họp và thống nhất bầu ông Nguyễn Bảo Long giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 29/3/2021.

Điều 19: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đúng pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CBIT;
- Website: bcu.net.vn;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHU TỌA



PHẠM XUÂN PHƯƠNG





SAO Y BẢN CHÍNH
ngày... 13 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
Số: 01/2021/BB-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN BẢO LONG

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

I. Tên, địa chỉ trụ sở chính; giấy phép đăng ký kinh doanh:

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC.**
- Địa chỉ trụ sở chính: **Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **3700926112.**

II. Thời gian và địa điểm họp:

- Thời gian họp: **Bắt đầu lúc 9h45', ngày 28/3/2021.**
- Địa điểm họp: **Becamex Hotel New City, B2, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.**

III. Thành phần tham dự:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị;
2. Các thành viên Ban Kiểm soát;
3. Ban Tổng giám đốc;
4. Các cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC;
5. Ứng cử viên bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023);
6. Các thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

IV. Nội dung đại hội:

1. Ông Hoàng Văn Anh - Trưởng Ban kiểm soát báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội với kết quả như sau:

- Số lượng cổ đông đủ điều kiện tham dự đại hội theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - CN TP HCM chốt ngày 19/2/2021 là 918 cổ đông, tương đương 30.000.000 cổ phần chiếm 100% vốn điều lệ.
- Số cổ đông và người được ủy quyền có mặt lúc Đại hội bắt đầu diễn ra là 158 người, nắm giữ 26.518.675 cổ phần, chiếm tỷ lệ 88,4% vốn điều lệ.
- Số cổ đông vắng mặt là 760 cổ đông, nắm giữ 3.481.325 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,6% vốn điều lệ.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, với số lượng cổ đông và người được ủy quyền dự họp như trên, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đủ điều kiện tiến hành.

2. Đại hội biểu quyết thông qua 100% thành phần Chủ tọa đoàn, Tổ kiểm phiếu, Tổ bầu cử; giới thiệu Thư ký đại hội như sau:

Chủ tọa đoàn:

- Ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội.
- Ông Hoàng Văn Anh - Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Võ Thành Tài - Phó Tổng giám đốc.
- Bà Nguyễn Thị Thủy Vân - Phó Tổng giám đốc tài chính.
- Ông Lê Hùng Lam - Phó Tổng giám đốc.

Thư ký Đại hội:

- Bà Ngô Thị Minh Loan - Thư ký HĐQT.
- Bà Lê Hoàng Thảo Linh - Nhân viên Phòng QLTC.

Tổ kiểm phiếu

- Ông Lê Công Thanh - Trưởng Phòng TCHC Tổ trưởng
- Ông Phan Phúc Hải - Nhân viên Phòng QLTC Tổ viên

Tổ bầu cử:

- Bà Nguyễn Thị Thủy - Phó Phòng QLTC Tổ trưởng
- Ông Huỳnh Ngọc Nhớ - Nhân viên Phòng QLTC Tổ viên

3. Đại hội biểu quyết thông qua 100% nội dung Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

4. Đại hội biểu quyết thông qua 100% Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

5. Đại hội đã nghe Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông qua các báo cáo, các tờ trình:

5.1 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

5.2 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

5.3 Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2020.

5.4 Tại Đại hội không có cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, cá nhân tự ứng cử, do đó Ban tổ chức đã trình bày nội dung và xin ý kiến biểu quyết thông qua:

5.4.1 Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023) và danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị là bà Nguyễn Thị Loan (CMND số: 281131728).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

5.4.2 Tờ trình số 02/TTr-ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023) và danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát là bà Đào Huỳnh Kim (CMND số: 281126987).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

5.5 Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

6. Các cổ đông tiến hành bầu cử.

7. Ông Võ Thành Tài - Đại diện Đoàn chủ tọa trình bày nội dung các Tờ trình trình Đại hội: Tờ trình về phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc; Tờ trình về phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020; Tờ trình về phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021; Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; Tờ trình về thay đổi ngành nghề kinh doanh; Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Tờ trình về thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Tờ trình về thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Tờ trình về chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ; Tờ trình về đầu tư dự án bất động sản đô thị và bất động sản công nghiệp; Tờ trình về đầu tư hoặc bán tài sản, đầu tư dự án, các giao dịch khác; Tờ trình về phê duyệt thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tờ thư ký năm 2021.

8. Cổ đông thảo luận và phát biểu ý kiến:

Cổ đông thống nhất với các Báo cáo và Tờ trình đã trình bày.

9. Ông Hoàng Văn Anh – Trưởng Ban kiểm soát báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông trước khi tiến hành biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình:

Tổng số cổ đông và người được ủy quyền trước khi tiến hành biểu quyết là 159 người, nắm giữ 26.522.675 cổ phần, chiếm tỷ lệ 88,41% vốn điều lệ.

10. Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình sau:

10.1 Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.2 Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.3 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2020.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.4 Thông qua Tờ trình “Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc”.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

10.5 Thông qua Tờ trình “Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2021”.

Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc với các chỉ tiêu chính như sau:

Các chỉ tiêu chính theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:

▪ Tổng doanh thu:	489.354.243.168 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	78.801.863.396 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	65.030.620.646 đồng
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ:	59.315.566.214 đồng
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát:	5.715.054.432 đồng

Các chỉ tiêu chính theo số liệu Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2020:

▪ Tổng doanh thu:	408.276.067.734 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	53.334.190.090 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	43.508.075.627 đồng

7.2. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020 (công ty mẹ):

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2020: 36.635.294.725 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2020: 43.508.075.627 đồng

Phân phối lợi nhuận như sau:

▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 5%/LNST):	2.175.403.781 đồng
▪ Chi trả cổ tức cho cổ đông (tỷ lệ 5%/Vốn điều lệ):	15.000.000.000 đồng
▪ Thù lao HĐQT, BKS, Tổ thư ký (tỷ lệ 2%/LNST):	870.161.513 đồng
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2021:	62.097.805.058 đồng

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %

- Không tán thành 0%

- Không có ý kiến 0%

10.6 Thông qua Tờ trình “Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021”.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

▪ Tổng doanh thu:	670.920.966.193 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	86.389.686.776 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	69.559.709.421 đồng

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5%/LNST
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền: $\geq 15\%$ /Vốn điều lệ

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

10.7 Thông qua Tờ trình “Lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021”.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 thuộc Danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

10.8 Thông qua Thay đổi ngành nghề kinh doanh theo nội dung Tờ trình số 07/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

10.9 Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo nội dung Tờ trình số 08/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

10.10 Thông qua Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo nội dung Tờ trình số 09/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

10.11: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số 10/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

10.12: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo nội dung Tờ trình số 11/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

10.13: Thông qua Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.
- Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu chào bán : 75.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán : 10.000 đồng/01 cổ phiếu.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 750.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua : 1:2,5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền mua, và cứ 1 quyền mua sẽ được mua thêm 2,5 cổ phiếu chào bán thêm).
- Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng chào bán : Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- Thời gian dự kiến chào bán : Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tiến hành trong thời hạn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng tối thiểu 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.
- Chào mua công khai: Đồng ý cho các nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị) lựa chọn khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai, kể cả trong các trường hợp sau:
 - Khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (tổ chức, cá nhân và người có liên quan dự kiến mua cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng, hoặc tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng dự kiến mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng).
 - Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.
- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị vốn dự kiến sử dụng
1	Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	450.000.000.000 đồng
2	Hợp tác phát triển bất động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên phạm vi cả nước	150.000.000.000 đồng
3	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, hợp đồng ký mới cho các nhà thầu, nhà cung cấp, ngân hàng, đối tác khác,...)	150.000.000.000 đồng

Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, Hội đồng quản trị quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng tỷ lệ dự kiến, Công ty sẽ có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán là cam kết bảo lãnh phát hành của tổ chức bảo lãnh phát hành.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị lựa chọn phương thức bảo lãnh phát hành và đơn vị thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của Công ty và cổ đông. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức phát hành: Đợt phát hành sẽ được bảo lãnh bởi tổ chức bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của Công ty để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết.

- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính của Công ty và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa theo thông báo của Công ty.

- Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu ACC tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chi số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do

tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá chi tiết về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, công bố trong Bản cáo bạch chào bán chứng khoán.

2. Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành như sau:

- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời điểm và tiền độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán đúng quy định pháp luật.

- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết như nội dung nêu tại mục 1. Để đảm bảo cho việc chào bán đạt kết quả cao nhất, Hội đồng quản trị có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho gia hạn thời gian chào bán theo quy định pháp luật liên quan.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu, tổ chức bảo lãnh phát hành.

- Quyết định và thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đã nêu tại mục 1.

- Sau khi kết thúc đợt chào bán, thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ theo nội dung trên.

- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác trong suốt quá trình phát hành (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt chào bán thành công.

3. Thông qua việc lưu ký, niêm yết bổ sung:

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 88,7%.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 11,3%.

10.14: Thông qua Tờ trình số 13/TTr-DHĐCĐ ngày 28/3/2021 về Đầu tư dự án bất động sản đô thị và bất động sản công nghiệp (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.15: Thông qua Tờ trình số 14/TTr-DHĐCĐ ngày 28/3/2021 về Đầu tư hoặc bán tài sản, đầu tư dự án, các giao dịch khác.

Nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động Công ty và tính đến dự phòng các trường hợp phát sinh những vấn đề cần quyết định kịp thời thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được thực hiện các công việc sau:

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản, quyết định đầu tư dự án có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề: quyết định đầu tư và phát triển các dự án (nội dung dự án đầu tư như: tên dự án, mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện, tổng vốn đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động dự án...), triển khai các thủ tục pháp lý về dự án, lựa chọn đối tác, phương án kinh doanh, nguồn vốn thực hiện, các công việc khác theo yêu cầu dự án và quy định pháp luật.

- Thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 291, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Việc thông qua các nội dung và ủy quyền cho Hội đồng quản trị nêu trên có giá trị thực hiện từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến khi có quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông thay thế.

Các nội dung được nêu bên trên là những vấn đề cần được giải quyết kịp thời, nắm bắt cơ hội để không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản

trị sẽ thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

10.16: Thông qua Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021.

Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021 là 2%/Lợi nhuận sau thuế trên cơ sở Báo cáo tài chính đã kiểm toán và được chi trả 1 lần sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ vào số trích thực tế, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chi trả cho từng thành viên.

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

11. Tổ bầu cử công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, cụ thể:

Thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung nhiệm kỳ III (2018-2023):

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Kết quả
1	NGUYỄN THỊ LOAN	26.516.755	Trúng cử

Thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung nhiệm kỳ III (2018-2023):

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Kết quả
1	ĐÀO HUỠNH KIM	26.506.225	Trúng cử

12. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018-2023) ra mắt trước Đại hội.

Hội đồng quản trị đã họp và thống nhất bầu ông Nguyễn Bảo Long giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 29/3/2021.

13. Thư ký Đại hội đọc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đã biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp.

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

14. Thư ký Đại hội đọc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đã biểu quyết thông qua nội dung Nghị quyết.

*Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %
- Không tán thành 0%
- Không có ý kiến 0%.*

Ban tổ chức tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11h30' cùng ngày/.

THỦ KÝ



Ngô Thị Minh Loan

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



PHẠM VĂN PHƯƠNG



SAO Y BẢN CHÍNH
cấp 13 tháng 12 năm 2021

CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Số: 12/TT-ĐHDCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 28 tháng 12 năm 2021



TỜ TRÌNH

CHỦ TỊCH HĐQT

"V/v: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ"

NGUYỄN BẢO LONG

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tự cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC;

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như sau:

1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.
- Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu chào bán : 75.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán : 10.000 đồng/01 cổ phiếu.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 750.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua : 1:2,5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền mua, và cứ 1 quyền mua sẽ được mua thêm 2,5 cổ phiếu chào bán thêm).
- Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng chào bán : Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.



- Thời gian dự kiến chào bán : Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tiến hành trong thời hạn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.

- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng tối thiểu 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.

- Chào mua công khai: Đồng ý cho các nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị) lựa chọn khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai, kể cả trong các trường hợp sau:

- Khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (tổ chức, cá nhân và người có liên quan dự kiến mua cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng; hoặc tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng dự kiến mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng).

- Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.

- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị vốn dự kiến sử dụng
1	Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	450.000.000.000 đồng
2	Hợp tác phát triển bất động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên phạm vi cả nước	150.000.000.000 đồng
3	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, hợp đồng ký mới cho các nhà thầu, nhà cung cấp, ngân hàng, đối tác khác, ...)	150.000.000.000 đồng

Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, Hội đồng quản trị quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành: Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng tỷ lệ dự kiến, Công ty sẽ có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán là cam kết bao lãnh phát hành của tổ chức bao lãnh phát hành.

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị lựa chọn phương thức bao lãnh phát hành và đơn vị thực hiện bao lãnh phát hành theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của Công ty và cổ đông. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức phát hành: Đợt phát hành sẽ được bao lãnh bởi tổ chức bao lãnh phát hành theo quy định pháp luật với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của Công ty để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết.

- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính của Công ty và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phòng tỏa theo thông báo của Công ty.

- Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu ACC tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chỉ số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá chi tiết về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, công bố trong Bản cáo bạch chào bán chứng khoán.

2. Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành như sau:

- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.



- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán đúng quy định pháp luật.

- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết như nội dung nêu tại mục 1. Để đảm bảo cho việc chào bán đạt kết quả cao nhất, Hội đồng quản trị có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho gia hạn thời gian chào bán theo quy định pháp luật liên quan.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu, tổ chức bao lãnh phát hành.

- Quyết định và thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đã nêu tại mục 1.

- Sau khi kết thúc đợt chào bán, thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ theo nội dung trên.

- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác trong suốt quá trình phát hành (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt chào bán thành công.

3. Thông qua việc lưu ký, niêm yết bổ sung:

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua nội dung nêu trên.

Trân trọng!



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

V/v: Thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Căn cứ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2021;
- Biên bản họp HDQT ngày 06/10/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2021:

- Cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 75.000.000 cổ phiếu (Bảy mươi lăm triệu cổ phiếu)
- Giá chào bán cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Thời gian dự kiến chào bán: Trong năm 2021, sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 750.000.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng)
- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến thu được: 750.000.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng)

- Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến: Quý IV năm 2021
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Trường hợp phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết: Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phần này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.
- Quyền mua cổ phiếu chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người khác. Cổ phiếu chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư không đạt tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn, phương thức thu hồi và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư: Không quy định.

Điều 2. Thông qua phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty

Trên cơ sở ĐHCĐ đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông, HĐQT nhận thấy trong Quý II,III/2021, dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động của Công ty hiện tại và có thể tiếp tục trong thời gian tới, do đó để đảm bảo việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, HĐQT thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết như sau:

Stt	Phương án sử dụng	Giá trị dự kiến (tỷ đồng)	Thời điểm giải ngân
1	Thực hiện thanh toán cho đối tác theo Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp – CTCP số 39/HĐKT/2021 ngày 15/04/2021 để thực hiện dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương	450	Dự kiến năm 2022
2	Trả nợ ngân hàng	300	Dự kiến năm 2022
Tổng		750	

Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành: Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn để thực hiện Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương.

Đồng thời trong trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên thì Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn lưu động từ nguồn khác của Công ty (ví dụ như tiền, các khoản nợ phải thu, vay ngân

hàng...) đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ tài chính của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

Trong quá trình triển khai hồ sơ phát hành, trong trường hợp phương án sử dụng vốn có sự điều chỉnh HĐQT sẽ trao đổi và thông qua đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty, đồng thời báo cáo/xin phép các cơ quan quản lý liên quan (nếu cần).

Điều 3. Thông qua lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty

Thông qua lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty là:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (“TPS”)

Địa chỉ: Tầng 3 số 75-77 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: (028) 7301 3839

TPS thực hiện bảo lãnh với hình thức bảo lãnh là cam kết chắc chắn (TPS cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

Điều 4. Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo đúng quy định pháp luật trong đợt chào bán

Thực hiện nghĩa vụ của Công ty đại chúng về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Công ty đã gửi UBCKNN hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo công văn số 04/2021/TB-HDQT ngày 04/05/2021 và tự xác định tỷ lệ nước ngoài nắm giữ tại Công ty là 50%. Sau đó, Công ty đã nhận được công văn số 2673/UBCK-PTTT ngày 07/06/2021 về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, trong đó Quý Ủy ban đã đề nghị Công ty làm rõ phạm vi kinh doanh, xin ý kiến cơ quan quản lý chuyên ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đến thời điểm hiện tại, Công ty gửi lại thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo công văn số 05A/2021/TB-HDQT ngày 25/08/2021 và tự xác định tỷ lệ nước ngoài nắm giữ tại Công ty là 49%, tuy nhiên hồ sơ vẫn đang được UBCKNN xem xét.

Để đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Thực hiện phân phối cổ phiếu cho Nhà đầu tư nước ngoài là cổ đông của Công ty có tên trong danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu do VSD cấp và theo đúng tỷ lệ được quyền mua;
- Hội đồng quản trị cam kết không phân phối số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, không nộp tiền mua cho nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 5. Thông qua cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Hội đồng quản trị Công ty cam kết hoàn tất việc đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (mã chứng khoán ACC) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Điều 6. Ủy quyền

Thông qua việc ủy quyền cho Ông Nguyễn Bảo Long- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các công việc sau:

- Chủ động xây dựng, sửa đổi, bổ sung và giải trình hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai việc chào bán sau khi có quyết định chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Thực hiện các thủ tục vẫn thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi Điều lệ Công ty theo số vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành đợt chào bán.
- Thực hiện việc báo cáo kết quả và công bố thông tin về đợt chào bán với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định hiện hành.
- Thực hiện các thủ tục, hồ sơ cần thiết để đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký chứng khoán bổ sung trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- Đàm phán, quyết định các điều khoản bảo lãnh với Tổ chức bảo lãnh phát hành được nêu tại Điều 3 Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và Công ty. Đồng thời thực hiện ký kết các cam kết bảo lãnh phát hành, hợp đồng bảo lãnh phát hành và các tài liệu khác liên quan đến tài liệu bảo lãnh phát hành với Tổ chức bảo lãnh phát hành trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.
- Các công việc có liên quan khác đến đợt chào bán.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 7, BKS;
- CBTT;
- Lưu VP/L.



NGUYỄN BẢO LONG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
ĐƠN VỊ

10 Y BẢN CHÍNH
v.v. 15 tháng 12 năm 2021



CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN BẢO LONG

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Được soạn thảo và thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thành lập tổ chức ngày 27/5/2008 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ 11 ngày 28/3/2021

Năm 2021

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC ngày 28/3/2021 thông qua việc sửa đổi, bổ sung lần thứ 11 Điều lệ Công ty.

Các bản Điều lệ của Công ty:

Điều lệ thành lập Công ty : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/5/2008.

Sửa đổi, bổ sung lần 1 : điều chỉnh quy định về vốn điều lệ ngày 27/10/2010.

Sửa đổi, bổ sung lần 2 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/4/2011.

Sửa đổi, bổ sung lần 3 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 23/4/2012.

Sửa đổi, bổ sung lần 4 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013.

Sửa đổi, bổ sung lần 5 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 23/4/2014.

Sửa đổi, bổ sung lần 6 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016.

Sửa đổi, bổ sung lần 7 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 23/4/2018.

Sửa đổi, bổ sung lần 8 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 02/4/2019.

Sửa đổi, bổ sung lần 9 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 30/8/2019.

Sửa đổi, bổ sung lần 10 : sửa đổi về vốn điều lệ ngày 21/12/2020.

Sửa đổi, bổ sung lần 11 : theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty và được quy định tại Điều 5 Điều lệ này.

"Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- d. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- e. "Người điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- g. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
- h. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- i. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.
- j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán
- k. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC được thành lập theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05 tháng 03 năm 2008 của UBND tỉnh Bình Dương, được Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3700926112 ngày 03/6/2008, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10/5/2019.
1. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC.**

- Tên tiếng Anh: ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên giao dịch đối ngoại: ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên viết tắt: BÌNH DƯƠNG ACC.
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
 - Điện thoại: 0274.3567200
 - Fax: 0274.3567201
 - E-mail: becamexacc@gmail.com; acc@becamexacc.com.vn
 - Website: www.becamexacc.com.vn

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển trụ sở chính của Công ty.
Hội đồng quản trị quyết định việc thành lập hay giải thể chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty.
 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.
 5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
 6. Thời hạn hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 7. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm sau đây:
 - Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
 8. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nền móng; đóng cọc, ép cọc; Thi công cầu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu lắp.	4390
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất băng 1 theo Công ước quốc tế). - Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn. - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	4669
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
4	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán mặt hàng trang trí nội thất.	4649
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy định của tỉnh).	6810
6	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: - Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm; - Sản xuất đá phiến và đá lát thảm không chịu lửa; - Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm sứ không chịu lửa như: Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp, ống khói bằng gốm... - Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung; - Sản xuất các đồ vật vệ sinh cố định làm bằng gốm.	2392
9	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Trồng cây đô thị.	8130
10	Phá dỡ.	4311
11	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: - Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa các loại; cầu kiện đúc sẵn; các loại vật liệu xây dựng; các cầu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí.	4663

	- Bán buôn gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo. (trừ hoạt động bên thủy nội địa)	
12	Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện kim loại.	2511
13	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí	2592
14	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng.	4312
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
16	Lắp đặt hệ thống điện.	4321
17	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.	7110
18	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá. Chi tiết: Cắt và hoàn thiện đá xây dựng.	2396
19	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.	7490
20	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. (trừ than đá, phế liệu, hóa chất).	5210
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.	5225
22	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt.	5221
23	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	4329
24	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Sản giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản).	6820
25	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, Môi giới hàng hóa (trừ môi giới bất động sản).	4610
26	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.	4299 (Chính)
27	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320
28	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.	4511
29	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
30	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại. - Bán buôn sắt, thép. - Bán buôn kim loại khác bao gồm: đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.	4662
31	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
32	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
33	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
34	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
35	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
36	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
37	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

38	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
39	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
40	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa đường và nguyên liệu tương tự.	2399
41	Xây dựng công trình đường sắt	4211
42	Xây dựng công trình đường bộ	4212
43	Xây dựng nhà để ở	4101
44	Xây dựng nhà không để ở	4102
45	Xây dựng công trình điện.	4221
46	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản).	0810
47	Xây dựng công trình cấp, thoát nước.	4222
48	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc.	4223
49	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất công bê tông cốt thép các loại; Sản xuất bê tông nhựa các loại; Sản xuất bê tông xi măng các loại; Sản xuất cầu kiện đúc sẵn; Sản xuất gạch không nung; Sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo.	2395
50	Xây dựng công trình công ích khác	4229
51	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê xe máy, thiết bị.	7730
52	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí.	4322

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các sáng lập viên, của các cổ đông để tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty nhằm gia tăng lợi tức cho các cổ đông và tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
- Thông qua quá trình hoạt động kinh doanh của mình, Công ty góp phần đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động, phát triển địa phương, đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định Điều lệ và quy định pháp luật thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tỷ đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoán lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo lãi suất của Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản phong tỏa) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giám thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi,

các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của mình, nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nếu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành

viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất

lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - e. Chuẩn bị tài liệu đại hội;

- f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ hoặc được gửi qua thư điện tử). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy

định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
11. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 21 Điều lệ này, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty và quy chế bầu cử tại Đại hội. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử.
 4. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
 5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 55% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.
- h. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố

thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, từ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% đến 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, từ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương

trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 28. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm

soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn thận và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ dân sự, hành

chính và không phải là việc kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn căn vi lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
 - c. Là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 3. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 48. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 50. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm XXI chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Công ty.



NGUYỄN BẢO LONG

**BẢN SAO
COPY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH
DƯƠNG ACC**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6-7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	8 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 37
Phụ lục	38 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ XI nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 31/10/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 07 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất công bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cầu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tu chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo;
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại, bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cầu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cầu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe máy, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sản xuất các cầu kiện kim loại;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cầu kiện đúc sẵn, dịch vụ cầu lắp;
- Cát và hoàn thiện đá xây dựng;
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đất, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Trồng cây đô thị;
- Phá dỡ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 03/04/2019
Ông Quảng Văn Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/03/2019 Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/03/2019
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Hoàng Xuân Quang	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Đặng Thánh Kiên	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Khưu Trí Trung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Huỳnh Tân An	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 12/09/2019
Ông Trương Văn Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 03/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Phan Thị Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Châu Thị Vân	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/06/2015
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	Tại bổ nhiệm ngày 01/08/2014
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/07/2019 Miễn nhiệm ngày 13/02/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Phạm Thị Sương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/08/2014 Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Võ Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/02/2020
Ông Phạm Huy Hậu	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 14/05/2019
Bà Nguyễn Thị Thủy Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 14/05/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2019 đến 09/05/2019 là ông Nguyễn Hồng Tuyên - Tổng Giám đốc và từ ngày 10/05/2019 đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch HĐQT.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Thành Tài

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020



Số: 042/2020/BCKT-PB.00313

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đính kèm vào ngày 15/03/2019.



Lê Việt Cường

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

A handwritten signature in black ink.

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2505-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.218.405.432	207.945.757.360
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.812.142.265	9.341.908.115
1. Tiền	111		73.812.142.265	9.341.908.115
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.849.610.661	53.716.427.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	155.122.159.261	54.202.451.827
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	975.385.868	71.005.121
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		349.180.006	42.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(597.114.474)	(599.029.426)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	77.482.010.940	141.498.673.472
1. Hàng tồn kho	141		77.482.010.940	141.498.673.472
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.074.641.566	3.388.748.251
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.074.641.566	1.921.512.766
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.467.235.485
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106.155.840.438	110.471.021.318
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		19.840.623.375	23.715.030.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	10.843.912.684	14.415.359.911
- Nguyên giá	222		104.834.287.594	112.519.977.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.990.374.910)	(98.104.617.927)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	8.996.710.691	9.299.670.842
- Nguyên giá	228		13.443.567.330	13.340.427.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.446.856.639)	(4.040.756.488)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	85.700.664.493	85.318.998.996
1. Đầu tư vào công ty con	251		60.800.851.200	60.800.851.200
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.547.500.000	26.547.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.827.686.707)	(2.029.352.204)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.000.000	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		614.552.570	1.436.991.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	614.552.570	1.436.991.569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.374.245.870	318.416.778.678

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019


NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		206.028.087.413	124.857.756.815
I/ Nợ ngắn hạn	310		195.663.807.051	117.352.145.828
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	90.339.284.016	97.638.716.788
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	865.622.837	1.354.223.967
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.916.163.635	400.969.809
4. Phải trả người lao động	314		4.327.769.588	2.296.470.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	2.677.166.134	565.198.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.414.197.126	1.590.444.114
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	85.807.837.103	10.240.648.222
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		53.449.316	1.296.502.759
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.262.317.296	1.968.972.032
II/ Nợ dài hạn	330		10.364.280.362	7.505.610.987
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342		10.364.280.362	7.505.610.987
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.346.158.457	193.559.021.863
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.16	208.346.158.457	193.559.021.863
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.527.143.181	1.527.143.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.123.821.471	56.123.821.471
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.639.681.855	26.852.545.261
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.713.371.879	3.193.070.398
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.926.309.976	23.659.474.863
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.374.245.870	318.416.778.678



Võ Thành Tài
 Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020


 Nguyễn Thị Thúy Vân
 Kế toán trưởng


 Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	402.175.063.327	304.343.276.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	22.302.500	8.693.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		402.152.760.827	304.334.582.563
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	336.071.932.295	252.022.791.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.080.828.532	52.311.791.081
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	7.203.678.915	7.153.592.266
7. Chi phí tài chính	22	6.5	1.936.206.796	414.476.432
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.137.872.293	1.077.679.440
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	11.191.092.533	11.219.815.508
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	16.712.378.172	14.830.407.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.444.829.946	33.000.683.924
11. Thu nhập khác	31	6.7	3.540.660.237	231.993.217
12. Chi phí khác	32		27.808.973	9.895.608
13. Lợi nhuận khác	40		3.512.851.264	222.097.609
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.957.681.210	33.222.781.533
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	7.996.825.771	5.388.105.224
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.960.855.439	27.834.676.309

(*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



Võ Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	MS	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	46.957.681.210	33.222.781.533
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.169.970.315	5.186.183.321
- Các khoản dự phòng	03	1.412.035.483	5.023.937.333
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.380.548.296)	(7.317.792.278)
- Chi phí lãi vay	06	2.137.872.293	1.077.679.440
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.297.013.005	37.192.789.349
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(100.664.032.702)	5.728.861.116
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	64.016.662.532	(29.867.872.980)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(611.548.821)	29.633.556.486
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.669.310.199	173.291.864
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.137.872.293)	(1.077.679.440)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(4.684.556.429)	(5.887.312.465)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.880.373.581)	(3.695.394.616)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.995.398.090)	32.200.239.314
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(363.140.000)	(2.597.346.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.244.444.444	186.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(180.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.203.878.915	7.131.701.369
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.904.983.359	4.720.445.505
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	142.580.661.335	24.026.713.608
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.013.472.454)	(39.112.247.541)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.006.540.000)	(17.977.137.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	57.560.648.881	(33.062.670.933)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	64.470.234.150	3.858.013.886
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.341.908.115	5.483.894.229
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	73.812.142.265	9.341.908.115




Võ Thành Tài

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020


 Nguyễn Thị Thúy Vân
 Kế toán trưởng


 Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xi nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/08/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 31/10/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 07 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

1.6 Cấu trúc công ty

Công ty con Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3700927878	60.000.000.000	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá vôi và liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3701799724	22.500.000.000	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	3700696042	200.000.000.000	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, đường TC 3, tổ 6, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương	Bệnh viện, trạm xá
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	3700509408	7.800.000.000	Số 225, đường 30 Tháng 4, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Công trình kỹ thuật dân dụng

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền thuê đất

Quyền thuê đất là tiền Công ty trả một lần cho nhiều năm để ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền thuê đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất còn lại (42 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	06
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

Chi phí thiết kế sản phẩm

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 – 06 năm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 02 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi phí sửa chữa

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác bao gồm: Chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công hợp... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải trả ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên giá trị hợp đồng đối với các công trình xây dựng có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được khi nhận vào thu nhập khác.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

tiếp tục phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí lãi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phí tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng hóa bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay;
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	452.666.484	26.307.434
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.359.475.781	9.315.600.681
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương	3.585.976.029	6.140.833.349
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	60.069.171.197	-
Các Ngân hàng khác	9.704.328.555	3.174.767.332
Cộng	73.812.142.265	9.341.908.115

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	31.401.608.261	-	22.440.000	-
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-	22.440.000	-
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu tư Bình Dương	31.401.608.261	-	-	-
Các bên khác	123.720.551.000	(597.114.474)	54.180.011.827	(599.029.426)
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	33.029.633.994	-	25.218.592.145	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	58.171.643.375	-	16.653.882.634	-
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	26.719.443.645	-	6.582.256.464	-
Công ty CP Kinh Doanh và Phát Triển Bình Dương	3.324.547.854	-	1.269.143.700	-
Các đối tượng khác	2.475.282.132	(597.114.474)	4.456.136.884	(599.029.426)
Cộng	155.122.159.261	(597.114.474)	54.202.451.827	(599.029.426)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	975.385.868	-	71.005.121	-
Công ty Cổ Phần UTC2	-	-	56.727.000	-
Công Ty CP Xây Dựng Hạ Tầng Thanh Bình	438.981.309	-	-	-
Công ty TNHH Vifico	268.868.160	-	-	-
Các đối tượng khác	267.536.399	-	14.278.121	-
Cộng	975.385.868	-	71.005.121	-

5.4 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	110.283.494	(110.283.494)	160.283.494	(112.198.446)
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	189.298.335	(189.298.335)	189.298.335	(189.298.335)
Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ-Xây dựng Lộc Hoàng Gia	95.089.291	(95.089.291)	95.089.291	(95.089.291)
Công ty TNHH TV XD SX TM DV Nhật Minh Quang	9.885.840	(9.885.840)	9.885.840	(9.885.840)
Công ty TNHH XD-TM-DV XNK Tân Hưng Phát	173.194.526	(173.194.526)	173.194.526	(173.194.526)
DNTN Đại Tuấn Thành	19.362.988	(19.362.988)	19.362.988	(19.362.988)
Cộng	597.114.474	(597.114.474)	647.114.474	(599.029.426)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu kỳ	599.029.426	669.029.426
Trích lập trong năm	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	(1.914.952)	(70.000.000)
Số dư cuối kỳ	597.114.474	599.029.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường (*)	9.163.312.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.220.520.190	-	13.236.059.844	-
Công cụ, dụng cụ	90.121.723	-	56.047.139	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.116.152.133	-	118.096.537.455	-
Thành phẩm	7.860.596.068	-	10.077.269.364	-
Hàng hoá	31.308.826	-	32.759.670	-
Cộng	77.482.010.940	-	141.498.673.472	-

(*) Theo hợp đồng mua bán số 131-23/2019/HĐMB-AHP ngày 30/11/2019 giữa Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC với giá trị lưu kho tại kho người bán 7.944.750.000 đồng; hợp đồng nguyên tắc số 17/2019/ABG-HĐNT ngày 04/11/2019 giữa Công ty CP Đá ốp lát An Bình và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC với giá trị lưu kho tại kho người bán là 1.218.562.000 đồng.

5.6 Chi phí trả trước

5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	898.855.124	919.898.074
Chi phí vận chuyển đá	-	342.431.511
Các khoản khác	175.786.442	659.183.181
Cộng	1.074.641.566	1.921.512.766

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	304.281.274	793.372.777
Chi phí bản quyền phần mềm	36.672.625	76.679.125
Chi phí sửa chữa	273.598.671	553.916.667
Các khoản khác	-	13.023.000
Cộng	614.552.570	1.436.991.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7	Tăng, giảm tài sản cố định vô hình			
	Quyền thuê đất	Chương trình phần mềm	Chi phí thiết kế sản phẩm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2019	11.769.135.713	619.359.800	951.931.817	13.340.427.330
Mua trong kỳ	-	-	103.140.000	103.140.000
Số dư tại 31/12/2019	11.769.135.713	619.359.800	1.055.071.817	13.443.567.330
GIÁ TRỊ HAO MÓN				
Số dư tại 01/01/2019	2.758.808.169	579.672.527	702.275.792	4.040.756.488
Khấu hao trong kỳ	246.858.288	39.687.273	119.554.590	406.100.151
Số dư tại 31/12/2019	3.005.666.457	619.359.800	821.830.382	4.446.856.639
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2019	9.010.327.544	39.687.273	249.656.025	9.299.670.842
Số dư tại 31/12/2019	8.763.469.256	-	233.241.435	8.996.710.691

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2019 là 0 VND, tại 01/01/2019 là 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 1.162.200.708 VND, tại 01/01/2019 là 643.450.908 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8	Tặng, giảm tài sản có định hữu hình Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIA						
Số dư tại 01/01/2019	11.629.778.901	62.895.487.862	35.940.663.686	1.710.281.208	343.766.181	112.519.977.838
Mua trong kỳ	-	260.000.000	-	-	-	260.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(73.632.906)	(6.988.725.288)	(883.332.050)	-	(7.945.690.244)
Số dư tại 31/12/2019	11.629.778.901	63.081.854.956	28.951.938.398	826.949.158	343.766.181	104.834.287.594
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2019	10.072.488.349	57.912.906.993	28.245.557.738	1.580.043.479	293.621.368	98.104.617.927
Khấu hao trong kỳ	625.219.246	1.093.084.930	1.969.569.911	59.175.629	16.820.448	3.763.870.164
Thanh lý, nhượng bán	-	(73.632.906)	(6.953.537.094)	(850.943.181)	-	(7.878.113.181)
Số dư tại 31/12/2019	10.697.707.595	58.932.359.017	23.261.590.555	788.276.927	310.441.816	93.990.374.910
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2019	1.557.290.552	4.982.580.869	7.695.105.948	130.237.729	50.144.813	14.415.359.911
Số dư tại 31/12/2019	932.071.306	4.149.495.939	5.690.347.843	38.673.231	33.324.365	10.843.912.684

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2019 là 4.016.122.645 VND, tại 01/01/2019 là 5.546.903.435 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 77.567.461.928 VND, tại 01/01/2019 là 79.795.451.161 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý (i) VND
5.9 Đầu tư tài chính dài hạn						
5.9.1 Đầu tư góp vốn						
Đầu tư vào công ty con	60.800.851.200	(1.630.574.704)		60.800.851.200	(1.832.240.201)	
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	47.134.351.200	-	67.641.960.000	47.134.351.200	-	53.755.200.000
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	13.666.500.000	(1.630.574.704)	(i)	13.666.500.000	(1.832.240.201)	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác	26.547.500.000	(197.112.003)		26.547.500.000	(197.112.003)	
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	24.900.000.000	-	(i)	24.900.000.000	-	(i)
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	(197.112.003)	(i)	1.647.500.000	(197.112.003)	(i)
Cộng	87.348.351.200	(1.827.686.707)	67.641.960.000	87.348.351.200	(2.029.352.204)	53.755.200.000

Tình hình hoạt động của công ty con

Xem thuyết minh số 1.6

Giá trị hợp lý

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con

Xem thuyết minh số 7.2.3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư vào công ty con						
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	4.479.600	74,66%	74,66%	4.479.600	74,66%	74,66%
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	1.350.000	60,00%	60,00%	1.350.000	60,00%	60,00%

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	2.490.000	12,45%	12,45%	2.490.000	12,45%	12,45%
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	85.670	10,98%	10,98%	85.670	10,98%	10,98%

5.9.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Dài hạn	180.000.000	180.000.000	-	-
Trái phiếu (*)	180.000.000	180.000.000	-	-
Cộng	180.000.000	180.000.000	-	-

(*) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành:

Thông tin chi tiết về trái phiếu:

Thời điểm phát hành:	27/09/2019;
Kỳ hạn gốc:	120 tháng;
Kỳ hạn còn lại:	117 tháng;
Số lượng trái phiếu:	18 trái phiếu;
Mệnh giá:	10.000.000 VND;
Lãi suất:	Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm;
Phương thức nhận lãi:	Định kỳ 01 năm/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	14.640.972.868	14.640.972.868	8.569.961.418	8.569.961.418
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	10.961.427.530	10.961.427.530	8.526.436.068	8.526.436.068
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3.679.545.338	3.679.545.338	43.525.350	43.525.350
Các bên khác	75.698.311.148	75.698.311.148	89.068.755.370	89.068.755.370
Hợp tác xã Anh Hào	3.308.053.287	3.308.053.287	5.889.008.001	5.889.008.001
Công ty TNHH TM DV Vận tải Mai Thành	9.239.649.996	9.239.649.996	5.676.468.903	5.676.468.903
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	11.817.910.500	11.817.910.500	7.861.788.700	7.861.788.700
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế	6.450.846.400	6.450.846.400	6.031.626.200	6.031.626.200
Phải trả cho các đối tượng khác	44.881.850.965	44.881.850.965	63.809.863.566	63.809.863.566
Cộng	90.339.284.016	90.339.284.016	97.638.716.788	97.638.716.788

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	865.622.837	865.622.837	1.354.223.967	1.354.223.967
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Xây dựng Nam Sai Gòn S.S.A	-	-	191.990.782	191.990.782
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Ngọc Điện	85.570.811	85.570.811	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí và Xây dựng Hồng Hà	299.600.920	299.600.920	-	-
Công ty TNHH Thiết kế Và Đầu tư Trọng Anh	98.701.020	98.701.020	-	-
Các đối tượng khác	381.750.086	381.750.086	662.233.185	662.233.185
Cộng	865.622.837	865.622.837	1.354.223.967	1.354.223.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	1.414.197.126	1.414.197.126	1.590.444.114	1.590.444.114
Kinh phí công đoàn	158.799.807	158.799.807	396.505.759	396.505.759
Phải trả khác	1.255.397.319	1.255.397.319	1.193.938.355	1.193.938.355
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	381.089.866	381.089.866	482.365.293	482.365.293
Phải trả về cổ tức	35.143.000	35.143.000	41.683.000	41.683.000
Thù lao HĐQT	501.492.788	501.492.788	-	-
Các khoản khác	337.671.665	337.671.665	669.890.062	669.890.062
Cộng	1.414.197.126	1.414.197.126	1.590.444.114	1.590.444.114

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí dịch vụ	1.423.551.443	136.500.000
Chi phí vật tư	928.073.991	-
Chi phí quà tặng tri ân khách hàng trích trước	194.456.700	117.000.000
Các khoản khác	131.084.000	311.698.000
Cộng	2.677.166.134	565.198.000

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	3.143.799.869	11.647.653.198	14.791.453.067	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.705.782.184	4.684.556.429	7.996.825.771	393.512.842
Thuế thu nhập cá nhân	66.581.582	736.116.527	795.241.142	7.456.967
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	6.916.163.635	17.071.326.154	23.586.519.980	400.969.809

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tàng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Bình Dương (*)	19.349.830.107	19.349.830.107	41.600.483.029	22.250.652.922	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (**)	23.731.694.628	23.731.694.628	58.253.865.938	44.762.819.532	10.240.648.222	10.240.648.222
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (***)	42.726.312.368	42.726.312.368	42.726.312.368	-	-	-
Cộng	85.807.837.103	85.807.837.103	142.580.661.335	67.013.472.454	10.240.648.222	10.240.648.222

(*) Hợp đồng vay theo hạn mức số 003A19/HM-QLN ngày 30/01/2019 kèm theo phụ lục sửa đổi, bổ sung số 01/003A19/HM-QLN ngày 12/06/2019.

- Hạn mức vay: 20.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: Tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tin dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ.
- Thời gian trả lãi: Ngày 26 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm:

- Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp 214TC16 ngày 30/06/2016.
- Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp 215TC16 ngày 30/06/2016.

(**) Hợp đồng vay theo hạn mức số 300268746/2019-HDCVHM/NHCT680-ACC ngày 17/05/2019 và hợp đồng hạn mức số 300268746/2019-HDCVHM/NHCT680-BECAMEX-ACC ngày 25/03/2019;

- Hạn mức vay: 25.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: Từ ngày 17/05/2019 đến hết ngày 19/03/2020;
- Mục đích sử dụng: Các khoản nợ được bên vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Thời gian trả lãi: Ngày 26 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm: Theo hợp đồng 01/2017-HDTC/ACC-MMTB ký ngày 23/02/2017.

(***) Hợp đồng vay theo hạn mức số 01/2019/2451719/HĐTD ngày 27/09/2019:

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: Từ ngày 29/09/2019 đến hết ngày 31/05/2020;
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngân hàng không cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư tài chính;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: 25 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm: Theo hợp đồng 01/2019/2451719/HĐBD ngày 27/09/2019 giữa Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ.

5.16. Vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư tại 01/01/2018	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	21.193.070.398	187.899.547.000	
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	27.834.676.309	27.834.676.309	
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(4.175.201.446)	(4.175.201.446)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)	
Số dư tại 31/12/2018	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	26.852.545.261	193.559.021.863	
Số dư tại 01/01/2019	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	26.852.545.261	193.559.021.863	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	38.960.855.439	38.960.855.439	
Trích lập quỹ kỳ này (*)	-	-	-	-	(6.034.545.463)	(6.034.545.463)	
Trích lập quỹ kỳ trước	-	-	-	-	(139.173.382)	(139.173.382)	
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)	
Số dư tại 31/12/2019	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	41.639.681.855	208.346.158.457	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 18/04/2019 như sau:

	Phân phối lợi nhuận	
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.175.201.446	3.443.022.780
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	139.173.382	114.767.426
Chia cổ tức	18.000.000.000	18.000.000.000
Tổng	22.314.374.828	21.557.790.206

(*) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 02/04/2019 với tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	-	-	0,00%	7.336.704	73.367.040.000	73,37%
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	2.490.000	24.900.000.000	24,90%	-	-	0,00%
Ông Hoàng Xuân Quang	2.480.000	24.800.000.000	24,80%	-	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	2.366.704	23.667.040.000	23,67%	-	-	0,00%
Pyn Elite Fund (Non - Ucits)	999.200	9.992.000.000	9,99%	-	-	0,00%
Các cổ đông khác	1.664.096	16.640.960.000	16,64%	2.663.296	26.632.960.000	26,63%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%	10.000.000	100.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.000.000.000	18.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Cổ phiếu

	31/12/2019 <i>Cổ phiếu</i>	01/01/2019 <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Doanh thu bán thành phẩm	97.286.839.475	91.710.353.864
Doanh thu thi công công trình	301.682.918.678	209.050.704.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	3.205.307.174	3.582.218.047
Cộng	402.175.063.327	304.343.276.363

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	28.649.376.091	2.275.000
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	194.504.333
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	8.320.900	-
Cộng	28.657.696.991	196.779.333

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 <i>VND</i>	Năm 2018 <i>VND</i>
Hàng bán bị trả lại	22.302.500	8.693.800
Cộng	22.302.500	8.693.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	71.513.702.430	68.182.696.469
Giá vốn của thi công công trình	262.353.104.441	181.667.434.095
Giá vốn dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	2.205.125.424	2.172.660.918
Cộng	336.071.932.295	252.022.791.482

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	484.278.915	434.192.266
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.719.400.000	6.719.400.000
Cộng	7.203.678.915	7.153.592.266

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	2.137.872.293	1.077.679.440
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(201.665.497)	(663.203.008)
Cộng	1.936.206.796	414.476.432

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	2.817.230.327	2.963.861.223
Chi phí vật liệu, bao bì	758.325.756	1.060.543.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.237.365.265	6.203.454.164
Các khoản chi phí bán hàng khác	378.171.185	991.956.170
Cộng	11.191.092.533	11.219.815.508

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.396.565.087	7.838.338.108
Chi phí khấu hao TSCĐ	821.211.291	964.951.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.532.598.615	3.891.855.249
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.963.918.131	2.205.262.182
Cộng	16.714.293.124	14.900.407.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.914.952)	(70.000.000)
Cộng	(1.914.952)	(70.000.000)
6.7 Thu nhập khác		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.176.867.381	186.090.909
Hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành công trình	1.363.376.183	-
Các khoản khác	416.673	45.902.308
Cộng	3.540.660.237	231.993.217
6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.957.681.210	33.222.781.533
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(6.973.552.348)	(8.262.952.154)
Các khoản điều chỉnh tăng	501.739.178	5.196.635.710
Các khoản chi phí không được trừ	501.739.178	5.196.635.710
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.719.400.000)	(6.719.400.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	(6.719.400.000)	(6.719.400.000)
Các khoản giảm khác	(755.891.526)	(6.740.187.864)
Thu nhập tính thuế TNDN	39.984.128.862	24.959.829.379
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	7.996.825.771	4.991.965.876
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	7.996.825.771	4.991.965.876
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	396.139.348
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.996.825.771	5.388.105.224

(*) Tiền nhận cổ tức được chia từ Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.697.336.979	199.437.626.811
Chi phí nhân công	34.825.487.197	32.088.538.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.169.970.315	5.186.183.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.815.431.190	64.721.139.123
Chi phí khác bằng tiền	5.684.008.913	4.406.099.577
Cộng	289.192.234.594	305.839.587.116

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	Công ty con
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	Công ty con

7.2.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương	2.730.907.813	1.426.407.907
Tiền thưởng	331.054.033	265.447.426

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty CP Đá ốp lát An Bình		
Cung cấp dịch vụ xe xúc, vận chuyển đá	-	20.400.000
Cung cấp xúc cát, ủi máng xay, vận chuyển đá mi bụi	-	174.104.333
Mua đá thành phẩm	2.628.968.925	318.267.000
Mua cát nghiền	720.016.300	86.739.090
Nhận thi công lắp đặt mặt bếp đá Granite	61.687.636	-
Thu tiền thuê xúc gầu, thuê xe ben	22.440.000	215.670.766
Thu kinh phí công đoàn, đoàn phí	29.946.166	34.266.241
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP		
Thuê máy nghiền đá	-	90.909.090
Nhận tiền cổ tức	6.719.400.000	6.719.400.000
Thanh toán	10.081.270.621	2.570.037.950
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ di dời container	3.300.000	2.275.000
Thu tiền dịch vụ	112.705.349	2.502.500
Cung cấp dịch vụ thi công	28.546.916.601	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển đá	76.645.680	-
Cho thuê xe cẩu bánh	22.513.810	-

7.2.4. Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

7.3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

7.3.1. Thông tin lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: Sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại;
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống, thi công xây dựng dân dụng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

7.3.2. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có y định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.


7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính


Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng này.



Vô Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020


Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm VND	Lĩnh vực thi công công trình VND	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa VND	Tổng cộng VND
Kỳ này				
Tổng doanh thu	97.277.942.875	301.673.331.878	3.201.486.074	402.152.760.827
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	97.277.942.875	301.673.331.878	3.201.486.074	402.152.760.827
Chi phí trực tiếp	71.513.702.430	262.353.104.441	2.205.125.424	336.071.932.295
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	25.764.240.445	39.320.227.437	996.360.650	66.080.828.532
Tổng chi phí đã phát sinh để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	103.140.000	1.010.933.820		1.114.073.820
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.041.154.081	3.183.852.735		5.225.006.816

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm VND	Lĩnh vực thi công công trình VND	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa VND	Tổng cộng VND
Ký trước				
Tổng doanh thu	91.702.303.264	209.050.704.452	3.581.574.847	304.334.582.563
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	91.702.303.264	209.050.704.452	3.581.574.847	304.334.582.563
Chi phí trực tiếp	68.182.696.469	181.667.434.095	2.172.660.918	252.022.791.482
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	23.519.606.795	27.383.270.357	1.408.913.929	52.311.791.081
Tổng chi phí đã phát sinh để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	1.031.596.273	2.428.460.000		3.460.056.273
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.367.960.232	2.560.939.558		4.918.899.790

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh cống thành phẩm VND	Lĩnh vực thi công công trình VND	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa VND	Tổng cộng VND
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	34.698.411.979	211.449.455.252	44.630.345	246.192.497.576
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				168.132.784.927
Tổng tài sản				414.325.282.503
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	19.473.909.417	73.650.546.578	1.334.040	93.125.790.034
Tổng nợ phải trả				206.018.294.740
Số đầu kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	36.157.800.773	176.634.838.120	346.541.239	213.139.180.132
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				105.277.598.546
Tổng tài sản				318.416.778.678
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	270.955.228	78.978.138.566	350.389.406	100.599.483.200
Tổng nợ phải trả				24.258.273.615

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày: 04-05-2021
 Số: 08644/Quyết 01
 SCT183



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Hải Đăng
 1901

**BẢN SAO
COPY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH
DƯƠNG ACC**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



Small vertical text on the right edge, possibly a page number or reference code.



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 31/10/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 07 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cầu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tu chân, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo;
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cầu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cầu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe máy, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sản xuất các cầu kiện kim loại;
- Sản lắp mặt bằng;
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cầu kiện đúc sẵn, dịch vụ cầu lắp;
- Cát và hoàn thiện đá xây dựng;
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đất, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Trồng cây đố th;
- Phá dỡ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 03/04/2019
Ông Quảng Văn Việt Cường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/03/2019 Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/03/2019
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Hoàng Xuân Quang	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Đặng Thành Kiên	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Khưu Trí Trung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Ông Huỳnh Tấn An	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 12/09/2019
Ông Trương Văn Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 03/04/2019 Miễn nhiệm ngày 30/08/2019
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 30/08/2019
Bà Nguyễn Thị Thủy Dương	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Phan Thị Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019
Bà Châu Thị Vân	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/06/2015
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/08/2014

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Võ Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/02/2020
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/07/2019 Miễn nhiệm ngày 13/02/2020
Bà Phạm Thị Sương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/08/2014 Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
Ông Phạm Huy Hậu	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 14/05/2019
Bà Nguyễn Thị Thủy Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Miễn nhiệm ngày 14/05/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2019 đến 09/05/2019 là ông Nguyễn Hồng Tuyên - Tổng Giám đốc và từ ngày 10/05/2019 đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch HĐQT.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trong yếu tố đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Võ Thành Tài

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020



Số: 042/2020/BCKTHN-PB.00313

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 03 năm 2020, từ trang 08 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đính kèm vào ngày 15/03/2019.



Lê Việt Cường

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Đặng Ngọc Khánh".

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2505-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		382.208.546.724	292.416.585.686
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	132.036.290.477	55.112.123.768
1. Tiền	111		128.036.290.477	13.612.123.768
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	41.500.000.000
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		170.081.434.184	83.272.681.232
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	168.502.712.228	81.257.587.589
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.321.965.888	2.144.453.188
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	853.870.562	469.669.881
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(597.114.474)	(598.029.426)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	78.330.279.824	149.372.302.975
1. Hàng tồn kho	141		78.391.647.163	149.470.369.631
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(61.367.339)	(98.098.656)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.760.542.239	4.659.477.711
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	1.701.678.569	2.313.800.654
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.816.754.864
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.17	58.863.670	528.922.193
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.811.469.086	74.631.978.749
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		2.043.572.400	2.043.572.400
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	2.043.572.400	2.043.572.400
II/ Tài sản cố định	220		72.938.053.180	35.357.472.363
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	21.055.509.032	25.946.500.131
- Nguyên giá	222		175.135.235.818	185.285.964.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.079.726.786)	(159.339.464.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	51.882.544.148	9.410.972.232
- Nguyên giá	228		57.616.069.334	23.615.853.669
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.733.525.186)	(14.204.881.437)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.11	8.583.892.372	8.583.892.372
- Nguyên giá	231		8.583.892.372	8.583.892.372
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		291.895.894	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	291.895.894	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	26.530.387.997	26.350.387.997
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.547.500.000	26.547.500.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(197.112.003)	(197.112.003)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.000.000	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		4.423.667.243	2.296.653.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.621.566.838	1.958.619.602
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		802.100.405	338.034.015
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		497.020.015.810	367.048.564.435

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		248.437.176.308	135.069.991.062
I/ Nợ ngắn hạn	310		202.757.207.103	125.520.807.675
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	52.602.797.634	97.569.810.876
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.099.593.825	1.689.533.917
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	11.354.770.432	4.099.627.505
4. Phải trả người lao động	314		5.148.087.135	3.491.690.062
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	8.851.044.558	839.754.235
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.661.912.760	2.907.908.002
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	85.807.837.103	10.240.648.222
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	53.449.315	1.296.502.759
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.177.714.340	3.385.332.097
II/ Nợ dài hạn	330		45.679.969.205	9.549.183.387
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	32.946.001.502	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		326.114.941	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.16	12.407.852.762	9.549.183.387
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		248.582.839.502	231.978.573.373
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.19	248.582.839.502	231.978.573.373
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.527.143.181	1.527.143.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		61.147.235.261	59.025.255.288
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.699.668.994	34.841.679.929
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		16.521.225.332	9.575.932.846
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.178.443.662	25.265.747.083
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		28.153.280.116	27.528.983.025
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		497.020.015.810	367.048.564.435



Võ Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng

Vân Thị Anh Đào
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	473.660.634.571	380.465.658.840
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	22.302.500	8.693.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		473.638.332.071	380.456.965.040
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	383.961.841.279	304.205.198.736
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.676.490.792	76.251.766.304
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.206.554.153	1.890.099.680
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.137.872.293	(1.024.993.545)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.137.872.293	1.077.679.440
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	13.295.050.427	13.827.497.176
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	25.077.536.011	23.514.431.398
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.372.586.214	41.824.930.955
12. Thu nhập khác	31	6.8	5.270.393.272	554.788.326
13. Chi phí khác	32	6.9	368.236.674	316.217.233
14. Lợi nhuận khác	40		4.902.156.598	238.571.093
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.274.742.812	42.063.502.048
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	11.916.615.737	8.788.520.000
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(504.399.489,00)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.852.526.564	33.274.982.048
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		42.339.968.607	30.910.184.804
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		3.522.557.957	2.364.797.244
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	3.393	2.456
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	1.131	2.456



Vô Thành Tài

Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thủy Vân

Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chỉ tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	57.274.742.812	42.063.502.048
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.844.508.919	10.689.601.395
- Các khoản dự phòng	03	1.375.336.166	3.733.934.803
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.749.902.239)	(2.044.064.436)
- Chi phí lãi vay	06	2.137.872.293	1.077.679.440
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	62.882.557.951	55.520.653.250
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(75.078.078.057)	19.151.953.282
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	71.078.722.468	(23.388.864.003)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(16.297.724.118)	28.007.535.971
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.050.825.151)	411.077.378
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.137.872.293)	(1.077.679.440)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(8.974.874.189)	(9.168.886.251)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.818.830.152)	(5.595.392.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.603.076.459	63.862.397.591
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.433.807.509)	(8.079.201.291)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.697.171.718	186.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(180.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.962.649.660	1.857.973.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.953.986.131)	(6.035.136.855)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	2.250.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	142.580.661.335	24.026.713.608
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.013.472.454)	(39.112.247.541)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.292.112.500)	(20.243.404.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	55.275.076.381	(33.078.938.433)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	76.924.166.709	24.748.322.303
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	55.112.123.768	30.363.801.465
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	132.036.290.477	55.112.123.768



Võ Thành Tài
 Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thủy Vân
 Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ XI nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 31/10/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 07 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Khai thác khoáng sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2019, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

1.6 Cấu trúc Công ty**Công ty con**

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3700927878	60.000.000.000	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá vật liệu xây dựng	74,66
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3701799724	22.500.000.000	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	60,00

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	3700696042	200.000.000.000	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, đường TC 3, tổ 6, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương	Bệnh viện, trạm xá	12,45
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	3700509408	7.800.000.000	Số 225, đường 30 Tháng 4, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Công trình kỹ thuật dân dụng	10,98

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con) được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ.

Các số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch này được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được:

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền thuê đất

Quyền thuê đất là tiền Công ty trả một lần cho nhiều năm để ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền thuê đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất còn lại (42 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất).

Quyền khai thác khoáng sản

Nguyên giá ban đầu của quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã xây dựng được phép khai thác từ ngày 21/06/2019. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo sản lượng khai thác thực tế trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao như sau:

	Số năm
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

Chi phí thiết kế sản phẩm

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 – 08 năm.

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá

Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá được phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

Chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác bao gồm: Chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công hộp... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

- Dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên tổng giá trị công trình thi công có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được khi nhận vào thu nhập khác.
- Dự phòng về chi phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản. Khoản dự phòng đang được Công ty trích theo số tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương. Sau khi cải tạo, phục hồi môi trường thì khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

khí các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.365.767.275	761.638.997
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.670.523.202	12.850.484.771
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	41.500.000.000
Cộng	132.036.290.477	55.112.123.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	31.401.608.261	-	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	31.401.608.261	-	-	-
Các bên khác	137.101.103.967	(597.114.474)	81.257.587.589	(599.029.426)
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	33.029.633.994	-	25.315.392.145	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	60.696.635.399	-	22.212.613.077	-
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	26.719.443.645	-	6.582.256.464	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	8.093.109.652	-	12.138.719.693	-
Công ty TNHH MTV Hà Nhật Quang	-	-	1.517.260.195	-
Công ty CP Đạt Hùng	-	-	1.996.498.580	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.562.281.277	(597.114.474)	11.494.847.432	(599.029.426)
Cộng	168.502.712.228	(597.114.474)	81.257.587.589	(599.029.426)

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	1.321.965.868	-	2.144.453.188	-
Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	438.981.309	-	130.573.736	-
Liên đoàn Bán đồ Địa chất Miền Nam	-	-	1.877.510.150	-
Công ty TNHH Vifico	268.868.180	-	-	-
Công ty Cổ Phần UTC2	-	-	66.727.000	-
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tihana	231.000.000	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	383.116.399	-	79.642.302	-
Cộng	1.321.965.868	-	2.144.453.188	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Phải thu khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	853.870.562	-	469.669.881	-
Ký quỹ, ký cược	62.000.000	-	42.000.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	314.763.006	-	189.010.918	-
Phải thu lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	462.499.337	-	233.203.063	-
Phải thu khác	14.608.219	-	5.455.900	-
Cộng	853.870.562	-	469.669.881	-

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	2.043.572.400	-	2.043.572.400	-
Ký quỹ, ký cược (*)	2.043.572.400	-	2.043.572.400	-
Cộng	2.043.572.400	-	2.043.572.400	-

(*) Tiền ký quỹ phục hồi môi trường, đặt đại sau khi hết thời gian khai thác.

5.5 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy Lợi Bình Dương	110.283.494	(110.283.494)	160.283.494	(112.198.446)
Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Cầu Đường Trương Hoàng Long	189.298.335	(189.298.335)	189.298.335	(189.298.335)
Công ty TNHH Thương Mại-Dịch vụ- Xây dựng Lộc Hoàng Gia	95.089.291	(95.089.291)	95.089.291	(95.089.291)
Công ty TNHH TV XD SX TM DV Nhật Minh Quang	9.885.840	(9.885.840)	9.885.840	(9.885.840)
Công ty TNHH XD-TM-DV XNK Tân Hưng Phát	173.194.526	(173.194.526)	173.194.526	(173.194.526)
DNTN Đại Tuấn Thành	19.362.988	(19.362.988)	19.362.988	(19.362.988)
Cộng	597.114.474	(597.114.474)	647.114.474	(599.029.426)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu kỳ	599.029.426	669.029.426
Hoàn nhập trong kỳ	(3.829.904)	(70.000.000)
Số dư cuối kỳ	597.114.474	599.029.426

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.456.643.826	-	15.619.346.457	-
Công cụ, dụng cụ	490.053.530	-	62.774.669	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở đang	50.403.718.040	-	118.052.412.875	-
Thành phẩm	16.009.912.941	(61.367.339)	15.703.075.960	(98.066.656)
Hàng hoá	31.308.826	-	32.759.670	-
Cộng	78.391.647.163	(61.367.339)	149.470.369.631	(98.066.656)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Số dư tại 01/01/2019	24.065.169.058	104.592.715.680	54.507.032.819	1.777.281.208	343.766.181	185.285.964.946						
Mua trong năm	-	1.651.818.182	780.888.162	115.065.000	-	2.547.771.364						
Thanh lý, nhượng bán	-	(604.305.906)	(11.210.852.536)	(883.332.050)	-	(12.698.500.492)						
Số dư tại 31/12/2019	24.065.169.058	105.640.227.956	44.077.058.465	1.009.014.158	343.766.181	176.135.235.818						
GIÁ TRỊ HAO MÒN												
Số dư tại 01/01/2019	19.099.704.349	93.906.149.088	44.392.946.531	1.647.043.479	293.621.368	159.339.464.815						
Khấu hao trong năm	1.759.374.019	2.838.423.176	2.586.277.879	84.043.307	16.820.448	7.284.938.831						
Thanh lý, nhượng bán	-	(604.305.906)	(11.089.427.773)	(850.943.181)	-	(12.544.676.860)						
Số dư tại 31/12/2019	20.859.078.368	96.140.266.360	35.889.796.637	880.143.605	310.441.816	154.079.726.786						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Số dư tại 01/01/2019	4.965.464.709	10.686.566.592	10.114.086.288	130.237.729	50.144.813	25.946.500.131						
Số dư tại 31/12/2019	3.206.090.690	9.499.961.596	8.187.261.828	128.870.553	33.324.366	21.055.509.032						

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2019 là 4.016.122.645 VND, tại 01/01/2019 là 5.546.903.435 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 111.822.843.690 VND, tại 01/01/2019 là 119.437.716.987 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8	Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Quyền thuê đất VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò VND	Chương trình phần mềm VND	Chi phí thiết kế sản phẩm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2019	11.769.135.713	7.208.744.438		2.822.181.901	863.859.800	951.931.817	23.615.853.669
Mua trong năm	-	-	-	-	-	103.140.000	103.140.000
Tăng khác	-	43.928.002.004	-	-	-	-	43.928.002.004
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.208.744.438)	-	(2.822.181.901)	-	-	(10.030.926.339)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	11.769.135.713	43.928.002.004	-	-	863.859.800	1.055.071.817	57.616.069.334
GIÁ TRỊ HAO MÓN							
Số dư tại 01/01/2019	2.758.808.169	7.208.744.438		2.822.181.901	712.871.137	702.275.792	14.204.881.437
Khấu hao trong năm	246.858.288	1.118.444.937		-	74.712.273	119.554.590	1.559.570.088
Giảm khác	-	(7.208.744.438)		(2.822.181.901)	-	-	(10.030.926.339)
Số dư tại 31/12/2019	3.005.666.457	1.118.444.937	-	-	787.583.410	821.830.382	5.733.525.186
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại 01/01/2019	9.010.327.544	-		-	150.988.663	249.656.025	9.410.972.232
Số dư tại 31/12/2019	8.763.469.256	42.809.557.067		-	76.276.390	233.241.435	51.862.544.148

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2019 là 0 VND, tại 01/01/2019 là 0 VND;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 1.162.200.708 VND, tại 01/01/2019 là 10.674.377.247 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Đầu tư tài chính	31/12/2019				01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
5.9.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.547.500.000	(197.112.003)		26.547.500.000	(197.112.003)	
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	24.900.000.000	-	(i)	24.900.000.000	-	(i)
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	(197.112.003)	(i)	1.647.500.000	(197.112.003)	(i)
Cộng	26.547.500.000	(197.112.003)	-	26.547.500.000	(197.112.003)	-

Giá trị hợp lý

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2019				01/01/2019			
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	%	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.490.000	12,45%	12,45%		2.490.000	12,45%	12,45%	
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	85.670	10,98%	10,98%		85.670	10,98%	10,98%	
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Dài hạn	180.000.000	180.000.000	-	-
Trái phiếu (*)	180.000.000	180.000.000	-	-
Cộng	180.000.000	180.000.000	-	-

(*) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành:

Thông tin chi tiết về trái phiếu:

Thời điểm phát hành:	27/09/2019;
Kỳ hạn gốc:	120 tháng;
Kỳ hạn còn lại:	117 tháng;
Số lượng trái phiếu:	18 trái phiếu;
Mệnh giá:	10.000.000 VND;
Lãi suất:	Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm;
Phương thức nhận lãi:	Định kỳ 01 năm/lần.

5.10 Chi phí trả trước

5.10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vỏ xe	150.443.175	80.878.797
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.360.913.801	1.206.307.165
Chi phí vận chuyển đá	-	342.431.511
Các khoản khác	190.321.593	684.183.181
Cộng	1.701.678.569	2.313.800.654

5.10.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí bản quyền phần mềm	36.672.625	76.679.125
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	304.281.274	502.085.548
Chi phí tư vấn, thăm dò trữ lượng đá	2.066.861.314	-
Chi phí sửa chữa	557.467.547	1.347.289.444
Các khoản khác	656.284.078	32.555.485
Cộng	3.621.566.838	1.958.619.602

5.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty bao gồm 03 căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc dự án Uni Town tại Khu 3, phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	82.602.797.634	82.602.797.634	97.569.810.876	97.569.810.876
Hợp tác xã Anh Hào	3.308.053.287	3.308.053.287	5.889.008.001	5.889.008.001
Công ty TNHH TM DV Vận tải Mai Thành	9.239.649.996	9.239.649.996	5.676.468.903	5.676.468.903
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	11.817.910.500	11.817.910.500	7.861.788.700	7.861.788.700
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế	6.460.846.400	6.460.846.400	6.031.626.200	6.031.626.200
Công ty TNHH MTV Phụng Tân Tiến	1.568.895.861	1.568.895.861	2.281.885.512	2.281.885.512
Phải trả cho các đối tương khác	50.217.441.590	50.217.441.590	69.829.033.560	69.829.033.560
Cộng	82.602.797.634	82.602.797.634	97.569.810.876	97.569.810.876

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	1.099.593.825	1.099.593.825	1.689.533.917	1.689.533.917
Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí và Xây dựng Hồng Hà	299.800.920	299.800.920	-	-
Công ty TNHH Thiết kế Và Đầu tư Trọng Anh	98.701.020	98.701.020	195.514.650	195.514.650
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Ngọc Điền	85.570.811	85.570.811	500.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	615.721.074	615.721.074	994.019.267	994.019.267
Cộng	1.099.593.825	1.099.593.825	1.689.533.917	1.689.533.917

5.14 Chi phí phải trả

5.14.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí dịch vụ	1.448.551.443	386.235.779
Chi phí vật tư	928.073.991	-
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2020	5.491.000.251	-
Chi phí trích trước khác	983.418.873	473.618.456
Cộng	6.851.044.558	839.764.235

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.14.2 Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ năm 2021 đến 2026	32.946.001.502	-
Cộng	32.946.001.502	-

5.15 Phải trả khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	2.661.912.760	2.661.912.760	2.907.908.002	2.907.908.002
Kinh phí công đoàn	171.022.035	171.022.035	408.200.743	408.200.743
Phải trả khác	2.490.890.725	2.490.890.725	2.499.707.259	2.499.707.259
Phải trả tiền bảo đảm hợp đồng	786.399.113	786.399.113	-	-
Phải trả về cổ tức	58.003.000	58.003.000	69.515.500	69.515.500
Thu lao HĐQT	919.492.788	919.492.788	360.000.000	360.000.000
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	381.089.866	381.089.866	1.235.016.869	1.235.016.869
Phải trả khác	345.905.958	345.905.958	835.174.890	835.174.890
Cộng	2.661.912.760	2.661.912.760	2.907.908.002	2.907.908.002

5.16 Dự phòng phải trả**5.16.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	1.296.502.759
Dự phòng phải trả khác	53.449.316	-
Cộng	53.449.316	1.296.502.759

5.16.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	10.364.280.362	7.505.610.987
Dự phòng khôi phục môi trường rừng	2.043.572.400	2.043.572.400
Cộng	12.407.852.762	9.549.183.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.17 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.669.922.265	14.763.311.491	18.789.079.058	-	644.154.698
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.863.670	4.605.723.381	8.974.874.189	11.916.615.737	58.863.670	1.663.981.833
Thuế thu nhập cá nhân	-	74.194.881	913.094.636	1.086.772.178	107.014.391	7.501.730
Thuế tài nguyên	-	1.849.299.275	4.724.626.503	4.789.936.534	-	1.783.969.244
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	345.803.675	345.803.675	-	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Phi, lệ phí và các khoản khác	-	155.630.630	5.963.916.293	6.482.593.055	363.044.132	-
Cộng	58.863.670	11.354.770.432	35.694.596.787	43.419.800.237	528.922.193	4.099.627.505

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.18 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Bình Dương (*)	19.346.830.107	19.346.830.107	41.600.483.029	22.250.652.922	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (**)	23.731.664.628	23.731.664.628	58.253.865.938	44.762.819.532	10.240.648.222	10.240.648.222
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (***)	42.726.312.368	42.726.312.368	42.726.312.368	-	-	-
Cộng	85.807.837.103	85.807.837.103	142.580.661.335	67.013.472.454	10.240.648.222	10.240.648.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(*) Hợp đồng vay theo hạn mức số 003A19/HM-QLN ngày 30/01/2019 kèm theo phụ lục sửa đổi, bổ sung số 01/003A19/HM-QLN ngày 12/06/2019:

- Hạn mức vay: 20.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- Mục đích: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng;
- Thời gian trả lãi: ngày 26 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm:
 - Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp 214TC16 ngày 30/06/2016.
 - Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp 215TC16 ngày 30/06/2016.

(**) Hợp đồng vay theo hạn mức số 300268746/2019-HĐCVHM/NHCT680-ACC ngày 17/05/2019 và hợp đồng hạn mức số 300268746/2019-HĐCVHM/NHCT680-BECAMEX ACC ngày 25/03/2019;

- Hạn mức vay: 25.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: từ ngày 17/05/2019 đến hết ngày 19/03/2020;
- Mục đích sử dụng: các khoản nợ được bên vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: ngày 26 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm: theo hợp đồng 01/2017-HĐTC/ACC-MMTB ký ngày 23/02/2017.

(***) Hợp đồng vay theo hạn mức số 01/2019/2451719/HĐTD ngày 27/09/2019:

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: Từ ngày 29/09/2019 đến hết ngày 31/05/2020;
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngân hàng không cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư tài chính;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: 25 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm: Theo hợp đồng 01/2019/2451719/HĐBĐ ngày 27/09/2019 giữa Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.19 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
Số dư tại 01/01/2018	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	58.176.649.897	28.942.273.639	25.869.174.507	223.570.753.174	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	2.250.000.000	2.250.000.000	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	30.910.184.804	2.364.797.244	33.274.982.048	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(2.280.600.000)	(20.280.600.000)	
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	848.605.391	(7.010.778.514)	(674.388.726)	(6.836.561.849)	
Số dư tại 31/12/2018	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	59.025.255.288	34.841.679.929	27.528.983.025	231.978.573.373	
Số dư tại 01/01/2019	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	59.025.255.288	34.841.679.929	27.528.983.025	231.978.573.373	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	42.339.968.607	3.522.557.957	45.862.526.564	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(2.280.600.000)	(20.280.600.000)	
Trích lập quỹ trong năm nay	-	-	-	2.121.979.973	(10.115.531.502)	(617.660.866)	(8.611.212.395)	
Giảm khác	-	-	-	-	(366.448.040)	-	(366.448.040)	
Số dư tại 31/12/2019	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	61.147.235.261	48.699.668.994	28.153.280.116	248.582.839.502	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	-	-	0,00%	7.336.704	73.367.040.000	73,37%
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	2.490.000	24.900.000.000	24,90%	-	-	0,00%
Ông Hoàng Xuân Quang	2.480.000	24.800.000.000	24,80%	-	-	0,00%
Bà Phạm Tường Vi	2.366.704	23.667.040.000	23,67%	-	-	0,00%
Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	999.200	9.992.000.000	9,99%	-	-	0,00%
Các cổ đông khác	1.664.096	16.640.960.000	16,64%	2.663.296	26.632.960.000	26,63%
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100%	10.000.000	100.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán thành phẩm	168.692.986.719	168.434.246.764
Doanh thu thi công công trình	301.682.916.678	209.050.704.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.284.731.174	2.980.707.624
Cộng	473.660.634.571	380.465.658.840

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	28.649.376.091	-
Cộng	28.649.376.091	-

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hàng bán bị trả lại	22.302.500	8.693.800
Cộng	22.302.500	8.693.800

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	119.403.611.414	120.365.103.723
Giá vốn của thi công công trình	262.353.104.441	181.667.434.095
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.205.125.424	2.172.660.918
Cộng	383.961.841.279	304.205.198.736

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.977.257.879	1.890.099.680
Lãi tiền ký quỹ	229.296.274	-
Cộng	3.206.554.153	1.890.099.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	2.137.872.293	1.077.679.440
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(2.102.672.985)
Cộng	2.137.872.293	(1.024.993.545)

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	2.817.230.327	2.963.861.223
Chi phí vật liệu, bao bì	758.325.756	1.060.543.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.231.465.735	6.203.454.164
Chi phí vận chuyển	1.530.180.441	2.530.393.168
Các khoản chi phí bán hàng khác	957.848.168	1.069.244.670
Cộng	13.295.050.427	13.827.497.176

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.155.312.202	8.558.527.281
Chi phí khấu hao TSCĐ	878.486.318	1.110.363.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.756.753.634	4.198.920.758
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.288.898.811	9.716.619.980
Cộng	25.079.450.963	23.584.431.398

Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.914.952)	(70.000.000)
Cộng	(1.914.952)	(70.000.000)

6.8 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.543.348.088	186.090.909
Hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành công trình	1.363.376.183	-
Thu hộ tiền điện các hộ dân	340.311.023	303.280.755
Các khoản khác	23.357.980	65.416.662
Cộng	5.270.393.272	554.788.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.9 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí tiền điện trả thay các hộ dân	340.311.023	303.280.755
Các khoản khác	27.925.651	12.936.478
Cộng	368.236.674	316.217.233

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty mẹ	7.996.825.771	5.388.105.224
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3.919.789.966	3.400.414.776
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.916.615.737	8.788.520.000

6.11 Lợi trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	42.339.968.607	30.910.184.804
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	42.339.968.607	30.910.184.804
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.406.442.251)	(6.347.874.449)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.393	2.456
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.393	2.456

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2019.

6.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	196.933.462.906	220.886.236.036
Chi phí nhân công	46.886.793.784	43.281.256.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.844.508.919	10.459.020.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.542.024.831	83.698.502.593
Chi phí khác bằng tiền	12.975.472.170	11.264.735.734
Cộng	368.184.262.410	369.589.751.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nợ tiềm tàng

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh Bình Dương thay thế Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 13/06/2014 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã xây dựng cho Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP - Công ty con. Theo đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty phải nộp cho trữ lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến 31/12/2013 là 8.122.769.899 đồng (tăng 3.249.106.819 đồng so với Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 13/06/2014).

Ngày 20/01/2014 Công ty cùng các Công ty khai thác khoáng sản tỉnh Bình Dương đã gửi văn bản đến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị không truy thu tiền cấp quyền khai thác trong thời gian trên.

Theo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21/05/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã ban hành Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09/07/2014 về hướng dẫn công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, quyết định chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến 31/12/2013. Do vậy, Báo cáo tài chính của Công ty chưa ghi nhận chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 trong thời gian trên trong Báo cáo tài chính.

Ngày 12/09/2014, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo, kiến nghị lên Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, miễn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác trong giai đoạn trên. Hiện tại, Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn chưa có quyết định chính thức về việc này.

7.2. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong kỳ, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

7.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.3.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn

7.3.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, ban kiểm soát, kế toán trưởng	4.905.033.205	3.593.507.127

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ông Nguyễn Hải Đăng		
Chi tạm ứng	2.000.000.000	-
Thu hoàn ứng	2.000.000.000	-

7.3.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ đi dời container	3.300.000	2.275.000
Thu tiền dịch vụ	112.705.349	2.502.500
Cung cấp dịch vụ thi công	28.546.916.601	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển đá	76.645.680	-
Cho thuê xe cuốc bánh	22.513.810	-

7.3.4. Số dư với các bên liên quan

Công ty không có số dư với các bên liên quan.

7.4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

7.4.1. Thông tin lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: Sản xuất và kinh doanh ống công thoát nước các loại;
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống, thi công xây dựng dân dụng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

7.4.2. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7.5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

7.6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài



Võ Thành Tài
Phó Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Hải Đăng